BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ THƯƠNG MẠI TRONG BỐI CẢNH NỀN "KINH TẾ XANH"

PGS.TS. **Trần Thục**
Viện Khoa học Khí tượng Thuỷ văn và Môi trường

Bài báo này phân tích sự tương tác lẫn nhau giữa BĐKH và thương mại trong bối cảnh nền "kinh tế xanh". Trong lĩnh vực đặc thù này, một số vấn đề mà các nước, đặc biệc là các nước đang phát triển, cần quan tâm là: (1) Sự rò rỉ car-bon theo Nghị định thư Kyoto: Với nguy cơ ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng và phát thải cao sẽ chuyển tới các nước không có các quy định chặt chẽ về khí hậu; (2) Sự điều chỉnh biên giới car-bon: Buộc nhiều nước đang phát triển phải tham gia vào các bản cam kết cứng rắn về giảm phát thải KNK; (3) Phương pháp tiếp cận dựa trên sản xuất so với phương pháp tiếp cận dựa trên tiêu dùng: Phương pháp tiếp cận dựa trên sản xuất hướng tới tăng cường khả năng tương đồng giữa các nước đang phát triển trong khi giảm sự quan tâm này giữa các nước phát triển; (4) Các sản phẩm và dịch vụ môi trường: Các nước đang phát triển cần phải quan tâm đến tác động của Quyền Sở hữu Trí tuệ đối với các sản phẩm và dịch vụ môi trường; Cần quan tâm đến các vấn đề về công nghệ và chính sách.

1. Giới thiệu

Biến đổi khí hậu (BĐKH) ngày càng thu hút nhiều sự quan tâm của thế giới, đặc biệt là mối liên hệ giữa thương mại và BĐKH trong bối cảnh nền "kinh tế xanh". Với kết quả hạn chế của Hội nghị Copenhagen và Cancun về biến đổi khí hậu, đàm phán trong tương lai sẽ phức tạp hơn và làm cho các nước phải quan tâm hơn, đặc biệt là vấn đề liên quan đến thương mại.

Hơn một nửa thế kỷ qua đã đánh dấu sự bùng nổ chưa từng thấy về thương mại quốc tế. Về mặt số lượng, thương mại toàn cầu đã tăng gần 32 lần so với năm 1950. Thương mại quốc tế đóng góp cho GDP thế giới đã tăng từ 5,5% trong năm 1950 lên 21% trong năm 2007. Một số lý do chính của sự phát triển thương mại bao gồm sự thay đổi công nghệ và sự mở cửa hơn của các chính sách đầu tư và thương mại. Sự bùng nổ mạnh mẽ này là một trong những lý do khiến ngày càng có nhiều quan tâm đến mối quan hệ giữa BĐKH và thương mại [6]. Phát triển thương mại quốc tế đã tác động đáng kể đến lượng phát thải khí nhà kính (KNK) dưới ba hình thức: (1) Sự tăng cao về mức độ của hoạt động kinh tế làm tăng nhu cầu sử dụng năng lượng và dẫn đến mức phát thải KNK ngày càng cao; (2) Sự thay đổi về cơ cấu sản xuất của một quốc gia để đối phó với những thay đổi về giá tương đối và những hậu quả của nó đối với mức phát thải; và (3) Việc cải thiện các phương thức sản xuất hàng hoá và dịch vụ dẫn đến giảm cường độ phát thải của sản phẩm. Đây là phương pháp chủ đạo để nền thương mại mở có thể tham gia vào quá trình giảm nhẹ BĐKH [6].

Để giảm nhẹ BĐKH toàn cầu cần có hành động tập thể nhằm giảm phát thải KNK. Tuy nhiên, quá trình này sẽ động chạm đến vấn đề công bằng của các quốc gia thành viên. Do đó, thách thức lớn là việc xây dựng hệ thống giảm phát thải vừa hiệu quả, vừa công bằng và một cơ chế thực thi hiệu quả. Điều này là không đơn giản, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Trong lĩnh vực đặc thù này, một số vấn đề mà các nước đang phát triển cần xem xét như: (1) Sự rò rỉ car-bon theo Nghị định thư Kyoto: Với nguy cơ ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng và phát thải cao sẽ chuyển tới các nước không có các quy định chặt chẽ về khí hậu; (2) Sự điều chỉnh biên giới car-bon: Buộc nhiều nước đang phát triển phải tham gia vào các bản cam kết cứng rắn về giảm phát thải KNK; (3) Phương pháp tiếp cận dựa trên sản xuất so với phương pháp tiếp cận dựa trên tiêu

dùng: Phương pháp tiếp cận dựa trên sản xuất hướng tới tăng cường khả năng tương đồng giữa các nước đang phát triển trong khi giảm sự quan tâm này giữa các nước phát triển; (4) Các sản phẩm và dịch vụ môi trường (ESG): Các nước đang phát triển cần phải quan tâm đến tác động của Quyền Sở hữu Trí tuệ đối với các sản phẩm và dịch vụ môi trường; Cần quan tâm đến các vấn đề về công nghệ và chính sách.

Bài báo này phân tích sự tương tác lẫn nhau giữa BĐKH và thương mại trong bối cảnh nền "kinh tế xanh".

2. Thương mại có thể làm tăng tổng lượng phát thải

Hầu hết các nghiên cứu kinh tế đều kết luận rằng việc mở cửa thương mại có khả năng làm tăng lượng phát thải KNK, vì việc mở cửa thương mại sẽ dẫn tới tăng sản xuất và sự dịch chuyển sản xuất từ các nước thuộc Phụ lục I sang các nước không thuộc Phụ lục I của nghị định thư Kyoto (rò rỉ cac-bon) [2], [6].

a. Di chuyển các-bon ra nước ngoài và rò rỉ các-bon theo Nghị định thư Kyoto

"Di chuyển các-bon ra nước ngoài" hay "rò rỉ các-bon" là việc chuyển các cơ sở sản xuất từ các nước thuộc Phụ lục I sang các nước không thuộc Phụ lục I, như đã được xác định trong Nghị định thư Kyoto, và vì thế tổng lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu sẽ không giảm [3]. Theo UNDP [5], lượng phát thải khí nhà kính của các nước đang phát triển đã tăng 80%, từ mức 6.899 triệu tấn năm 1990 lên mức 12.303 triệu tấn năm 2004. Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các nước đang phát triển, chủ yếu là Trung Quốc và Ấn Độ, đã góp phần đáng kể vào sự gia tăng này. Một số nghiên cứu cho thấy lượng KNK có trong xuất khẩu ròng (Phát thải cân bằng trong thương mại - Balance Emission Embodied in Trade, BEET) của các nước không thuộc Phụ lục I tăng lên, trong khi đó lượng KNK trong xuất khẩu ròng của các nước thuộc Phụ lục I đã giảm xuống. Do đó áp lực ngày càng lớn buộc các nước đang phát triển phải tham gia cam kết giảm phát thải KNK, tuy nhiên các nước đang phát triển cho rằng nguyên nhân chủ yếu của việc tăng phát thải KNK là do hoạt động sản xuất mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu của các nước phát triển. Việc giảm KNK toàn cầu thông qua các cơ chế của Nghị định thư Kyoto sẽ khó có hiệu quả nếu các cơ chế này cho phép việc chuyển trách nhiệm từ các nước thuộc Phụ lục I sang các nước không thuộc Phụ lục I. Điều này chắc chắn sẽ làm tăng mức độ phát thải KNK toàn cầu, vì các nước đang phát triển sở hữu những công nghệ kém hiệu quả hơn và triển khai các biện pháp ít nghiêm ngặt hơn trong kiểm soát phát thải.

b. Điều chỉnh biên giới các-bon (Border Carbon Adjustment, BCA)

Khái niệm điều chỉnh biên giới các-bon được đưa ra nhằm giải quyết vấn đề rò rỉ các-bon. Tuy nhiên, mục đích chính của BCA là tạo ra sự cân bằng về sân chơi cho các nhà sản xuất của các nước phát triển đối với hàng hóa nhập khẩu từ các nước đang phát triển không có những quy định nghiêm ngặt về phát thải KNK. Cộng đồng châu Âu và Mỹ dự kiến đưa loại rào cản này nhằm giải quyết vấn đề ưu thế so sánh về giá của hàng hóa nhập khẩu từ các nước đang phát triển [3]. Hiện tại, Mỹ, với tư cách là nước nhập khẩu lớn trên thế giới, đang cân nhắc việc sử dụng BCA như được đề xuất trong dự thảo Luật Biến đổi khí hậu Dingell-Boucher.

Những người đề xướng sử dụng BCA cho rằng khái niệm BCA hoàn toàn phù hợp với Điều XX của Tổ chức Thương mại thế giới. Tuy nhiên vấn đề phức tạp là liệu BCA có gây ra sự phân biệt đối xử giữa các sản phẩm, bởi vì một sản phẩm dù được sản xuất trong nước hay nhập khẩu đều là như nhau nhưng quá trình sản xuất có thể có mức phát thải KNK khác nhau. Hơn nữa, liệu các nước phát triển có thể dành ưu đãi về thương mại cho nước đang phát triển có lượng phát thải KNK cao hơn so với nước khác trong hệ thống ưu đãi chung.

Mặc dù việc sử dụng BCA là nhằm nội luật hóa những hàng hóa được sản xuất ngoài nước, thì công cụ này cũng chỉ áp dụng được cho hàng hóa hiện tại. Nó hoàn toàn không tính tới những yếu tố ngoại lai mang tính lịch sử. Việc các nước phát triển áp dụng BCA sẽ gián tiếp buộc các nước đang phát

triển, vốn không gây phát thải KNK trong quá khứ, phải gánh toàn bộ trách nhiệm giảm phát thải KNK ngay lập tức. Bên cạnh đó, các nước đang phát triển xuất khẩu hàng hóa thường là những nước nhỏ vốn đã phải chịu tác động của nhu cầu tiêu dùng hoặc phải chấp nhận mức giá đã định sẵn cho các sản phẩm xuất khẩu của họ. Do đó, mặc dù sản phẩm của họ phục vụ người tiêu dùng ở các nước phát triển, nhưng những nước xuất khẩu nhỏ này phải chịu gánh nặng thuế của BCA. Nhìn từ góc độ này, có thể coi BCA là một công cụ để nhấc gánh nặng lịch sử ra khỏi vai của những nước phát triển [4].

c. Tiếp cận dựa trên sản xuất và tiếp cận dựa trên tiêu dùng

Tiếp cận dựa trên sản xuất là phương pháp hiện đang được sử dụng để tính toán kiểm kê KNK quốc gia theo Nghị định thư Kyoto. Phương pháp này được Công ước khung Liên hiệp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) thông qua, tính toán phát thải theo phạm vi ranh giới địa lý của mỗi quốc gia. Phương pháp này có ưu điểm là dễ áp dụng, có thể tính phát thải KNK dựa trên quá trình sản xuất và năng lượng tiêu thụ. Tuy nhiên, cách tiếp cận này không tính được phát thải từ khu vực giao thông quốc tế, chiếm khoảng 3% phát thải toàn cầu, và cũng bỏ qua vấn đề nhập khẩu và xuất khẩu.

Tiếp cận dựa trên sản xuất, cùng với nguyên tắc "trách nhiệm chung nhưng có phân biệt", đã làm giảm khả năng cạnh tranh của những nước thuộc Phụ lục I và tăng khả năng cạnh tranh của các nước không thuộc Phụ lục I. Điều này dẫn đến tình trạng di chuyển các-bon ra nước ngoài và chuyển trách nhiệm sang các nước xuất khẩu vốn không sử dụng công nghệ hiệu quả để kiểm soát KNK, vì các nước này có thể không chấp nhận nghĩa vụ cắt giảm KNK. Để bù đắp thiệt hại về khả năng cạnh tranh, một số nước phát triển xem xét việc sử dụng BCA để làm cho sân chơi trở nên cân bằng, như đã đề cập ở trên.

Cách tiếp cận dựa trên sản xuất là theo nguyên tắc "người gây ô nhiễm trả tiền", trong khi đó, cách tiếp cận dựa trên tiêu dùng là theo nguyên tắc "người hưởng lợi trả tiền".

Trong cách tiếp cận dựa trên tiêu dùng, KNK được tính bằng cách bổ sung xuất khẩu ròng vào kết quả tính toán theo phương pháp dựa trên sản xuất. Phương pháp dựa trên tiêu dùng còn có thể được dùng để giải quyết vấn đề di chuyển các-bon ra nước ngoài bằng cách tập trung vào lĩnh vực tiêu dùng. Phương pháp này chuyển trách nhiệm các-bon ngược lại cho người tiêu dùng, những người được hưởng lợi từ sản phẩm của nước ngoài. Do các nước nhập khẩu phải chịu trách nhiệm phát thải KNK từ hoạt động tiêu dùng của mình, vì thế các nước nhập khẩu đòi hỏi các nước sản xuất phải sử dụng những công nghệ tốt hơn [4].

3. Tác động của thương mại đến nỗ lực giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu

Thương mại có thể góp phần giảm nhẹ BĐKH thông qua việc tác động đến kỹ thuật [6]. Mở cửa thương mại sẽ thúc đẩy việc sản xuất các hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ năng lượng hiệu quả hơn. Việc tăng thu nhập thông qua mở cửa thương mại sẽ dẫn đến nhu cầu lớn hơn về chất lượng môi trường và giảm phát thải KNK. Thương mại (hay mở cửa thương mại) cũng sẽ kích thích sự phổ biến những cải tiến công nghệ thân thiện với khí hậu. Bên cạnh đó, việc duy trì các thị trường quốc tế cũng sẽ giúp các nước thích ứng với BĐKH.

a. Sự phổ biến các công nghệ xanh nhờ thương mại

Thương mại quốc tế đóng vai trò như một phương thức để phổ biến các công nghệ và bí quyết mới [1]. Có khoảng 90% hàng hóa và dịch vụ môi trường được sản xuất tại các nước thành viên của Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển (OECD). Việc phổ biến các công nghệ về BĐKH (chuyển giao công nghệ và kỹ thuật) tạo ra một cơ chế giúp các nước đang phát triển có thể hưởng lợi từ các công nghệ mới của các nước phát triển để ứng phó với BĐKH.

Có một số kênh hỗ trợ việc phổ biến công nghệ thông qua thương mại [1]. Thứ nhất là thông qua việc nhập khẩu những cải tiến trong các hàng hóa trung gian (hàng hóa được sử dụng cho những quá trình sản xuất tiếp theo) và hàng hóa tư bản (thiết bị

được sử dụng cho sản xuất các loại hàng hóa và dịch vụ khác) mà một nước không thể tự sản xuất. Thứ hai là thông qua việc chuyển giao các bí quyết về các phương pháp sản xuất mới từ các nước phát triển. Thứ ba, thương mại quốc tế sẽ làm tăng cơ hội để thay đổi các công nghệ nước ngoài cho phù hợp với điều kiện của địa phương. Cuối cùng, nhờ mối quan hệ kinh tế với quốc tế mà cơ hội học tập được tăng cường, từ đó làm giảm chi phí của việc cải tiến công nghệ.

b. Tự do hóa hàng hóa và dịch vụ môi trường

Định nghĩa về hàng hóa và dịch vụ môi trường (Environmental Goods and Service, EGS) đến nay vẫn chưa được làm rõ. Theo OECD thì "EGS bao gồm các hoạt động sản xuất hàng hoá và dịch vụ để đo lường, ngăn chặn, hạn chế, giảm thiểu thiệt hại môi trường đối với không khí, nước và đất, cũng như các vấn đề liên quan đến chất thải, tiếng ồn và hệ sinh thái. Điều này bao gồm công nghệ sạch hơn, các sản phẩm và dịch vụ làm giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường và hạn chế tối đa và sử dụng tài nguyên" (OECD, 1999). Nhiều nước phát triển coi việc tự do hóa EGS như một cách để cải thiện quá trình giảm phát thải KNK và thích ứng với BĐKH.

Vấn đề mà các nước đang phát triển quan tâm là tác động của quyền sở hữu trí tuệ đi kèm với những loại hàng hóa và dịch vụ này. Điều này liên quan đến sự phụ thuộc về công nghệ và sự cân bằng về pháp luật giữa bảo vệ sở hữu trí tuệ và độc quyền. Các luật và quy định của quốc gia phải có lợi cho việc đổi mới hàng hóa và dịch vụ môi trường trong nước và đủ hỗ trợ quá trình nội địa hóa công nghệ cho phù hợp với những điều kiện môi trường của chính mình.

Nỗ lực nhằm tự do hóa EGS như một thành tố của nền "kinh tế xanh" sẽ chỉ phần nào ứng phó với thách thức của BĐKH và thương mại. Tuy nhiên, tự do hóa nhấn mạnh đến khái niệm tiêu dùng và tư tưởng trọng vật chất, theo đó thương mại quốc tế phải đáp ứng được những nhu cầu vượt quá những nhu cầu cơ bản. Theo nghĩa đó, nền "kinh tế xanh" chỉ đơn giản là sự chuyển đổi và biện minh cho những đòi hỏi không giới hạn. Trong khi đó, nguyên nhân chính gây ra BĐKH lại có quan hệ mật thiết đến việc tiêu dùng quá mức. Vì vậy, việc "kiểm soát nhu cầu" là sự lựa chọn quan trọng để giảm phát thải KNK. Cái gọi là "nền kinh tế xanh" - với tư cách là mô hình chủ đạo - có thể chỉ tập trung vào hiệu quả kinh tế và công nghệ xanh với giả thuyết rằng sở thích của con người là không đổi [4].

c. Thương mại là một biện pháp kinh tế để thích ứng với biến đổi khí hậu

BĐKH làm thay đổi các điều kiện tiêu dùng và sản xuất một số loại hàng hóa, dịch vụ quan trọng của con người. Thương mại có thể làm tăng sự tổn thương do BĐKH tại một số quốc gia, vì thương mại khiến các quốc gia này chuyên môn hóa sản xuất các sản phẩm mà họ có lợi thế so sánh, trong khi đó lại phụ thuộc vào việc nhập khẩu các loại hàng hóa và dịch vụ khác cho các nhu cầu của họ. Những nước này sẽ trở nên dễ bị tổn thương hơn nếu BĐKH làm gián đoán việc nhập khẩu các loại sản phẩm và dịch vụ trên. Tuy nhiên, thương mại cũng có thể tạo ra cầu nối giữa cung và cầu, để nếu BĐKH gây ra sự khan hiếm một số loại hàng hóa, dịch vụ ở đất nước này, thì nước đó vẫn có thể nhập khẩu cái mà họ cần từ những nước mà loại hàng hóa, dịch vụ đó vẫn sẵn có. Vì vậy, bên cạnh giảm nhẹ, thương mại đóng vai trò quan trọng trong việc giúp con người ứng phó với hiện tượng ấm lên toàn cầu.

4. Tác động của biến đổi khí hậu đến thương mại

Thương mại có thể tác động đến lượng phát thải KNK, giúp giảm nhẹ BĐKH, và hỗ trợ các nước thích ứng với BĐKH. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa thương mại và BĐKH không chỉ là một chiều, do BĐKH cũng có thể tác động đến thương mại quốc tế theo hai cách.

Thứ nhất, BĐKH có thể làm thay đổi lợi thế so sánh của các quốc gia và dẫn đến chuyển dịch trong cơ cấu thương mại quốc tế. Ảnh hưởng này sẽ trở nên mạnh mẽ hơn đối với những quốc gia có lợi thế so sánh phụ thuộc vào các điều kiện thời tiết hay địa lý. Những quốc gia hay vùng phụ thuộc nhiều vào nông nghiệp có thể sẽ bị giảm lượng xuất khẩu do

khí hậu nóng lên và sự gia tăng tần suất của các thiên tai. Hiện tượng nóng lên toàn cầu không phải luôn luôn gây ra tác động tiêu cực đến xuất khẩu, vì nó vẫn có thể làm tăng sản lượng nông nghiệp tại một số khu vực nhất định. Tác động của BĐKH không chỉ giới hạn đối với các hàng hóa mà còn đối với các dịch vụ như du lịch. Nhiều điểm đến du lịch phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên như bãi biển, khí hậu nhiệt đới... để thu hút khách du lịch. Nước biển dâng hay thay đổi thời tiết có thể gây tác động xấu đến những nguồn tài nguyên này [6].

Thứ hai, thương mại quốc thế phụ thuộc vào chuỗi cung cấp, vận chuyển và phân phối. Biến đổi khí hậu có thể làm gia tăng tính dễ bị tổn thương của chuỗi này. Các hiện tượng khí hậu cực đoan (như bão, lũ lụt) có thể làm đóng cửa tạm thời các cảng hay tuyến đường vận chuyển và gây tổn thất cơ sở vật chất của ngành thương mại. Cơ sở hạ tầng ven bở biển bị hư hại do lũ lụt. Vận chuyển hàng hóa trọng tải lớn bằng đường thủy nội địa cũng bị gián đoạn trong thời gian hạn hán. Sự gián đoạn trong chuỗi cung cấp, vận chuyển và phân phối sẽ làm tăng chi phí vận hành của thương mại quốc tế, những nước đang phát triển tham gia vào nền kinh tế toàn cầu sẽ bị chịu tác động tiêu cực mạnh hơn so với các nước phát triển.

5. Kết luận

BĐKH và thương mại có mối quan hệ hai chiều: Thương mại có thể làm tăng tổng lượng phát thải thông qua rò rỉ cácbon, mặt khác nó cũng góp phần vào giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH; Ngược lại, BĐKH cũng tác động đến lợi thế so sánh quốc gia và chuỗi cung cấp, vận chuyển phân phối sản phẩm và dịch vụ.

Đối với Việt Nam, một nước đang phát triển, bị tác động mạnh mẽ bởi BĐKH và các chính sách thương mại toàn cầu, cần thiết phải có những định hướng về thương mại trong bối cảnh nền "kinh tế xanh". Trong đó nên chú trọng đến: (1) Việc tiếp cận với các công nghệ liên quan đến khí hậu, cải cách chính sách nhằm kích thích đầu tư công nghệ sạch và chuyển giao công nghệ để tiếp cận các cơ chế của BĐKH và thương mại quốc tế; (2) Chương trình nghị sự rõ ràng có khả năng góp phần thúc đẩy sự tham gia của Việt Nam vào các quá trình đám phán quốc tế về BĐKH và thương mại; và (3) Xây dựng nền tảng hợp tác về biến đổi khí hậu và thương mại giữa các nhà đàm phán, các nhà hoạch định chính sách và những người khác trong khu vực tư nhân và xã hội dân sự tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. *Grossman, G.M. and Helpman, E., 1991, Innovation and Growth in the Global Economy, MIT Press, Cambridge, MA.*
2. *Meyer-Ohlendorf and Gerstetter, 2009, Trade and Climate Change: Triggers or Barriers for Climate Friendly Technology Transfer and Development, Occasional Papers, Berlin.*
3. *Nielsen, L., 2010, Trade and Climate Change, Manchester Journal of International Economic Law.*
4. *Thanpuying S. S., 2009, Aligning Trade and Climate Change Agendas in the Context of a Green Economy: An Asian Perspective, Asia Regional Dialogue on Trade and Climate Change.*
5. *United Nation Development Program, 2007, Human Development Report.*
6. *WTO and UNEP, 2009, Trade and Climate Change: WTO-UNEP Report, WTO Secretariat, Switzeland.*